

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		468,144,779,758	462,029,985,285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	457,041,371,067	446,740,943,430
1. Tiền	111		457,041,371,067	446,740,943,430
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	4,594,027,262	6,457,886,589
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5,001,810,302	7,641,972,753
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(407,783,040)	(1,184,086,164)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	5,818,403,619	8,457,939,046
1. Phải thu khách hàng	131		11,936,553,528	11,936,553,528
2. Trả trước cho người bán	132		48,000,000	32,890,000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		11,244,115	17,894,767
4. Các khoản phải thu khác	138		66,170,601,032	78,818,595,807
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(72,347,995,056)	(82,347,995,056)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		690,977,810	373,216,220
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	531,628,020	198,611,220
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	159,349,790	174,605,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27,506,478,623	29,246,893,880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,578,524,277	2,955,124,493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1,101,338,887	1,166,520,328
<i>Nguyên giá</i>	222		7,213,042,288	7,213,042,288
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6,111,703,401)	(6,046,521,960)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1,477,185,390	1,788,604,165
<i>Nguyên giá</i>	228		7,488,985,064	7,488,985,064
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6,011,799,674)	(5,700,380,899)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21,229,734,201	22,785,747,201
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.3	64,704,850,456	68,562,171,856
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		64,704,850,456	68,562,171,856
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.3	(43,475,116,255)	(45,776,424,655)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,698,220,145	3,506,022,186
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	38,695,032	40,184,092
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	3,567,525,113	3,373,838,094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	92,000,000	92,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		495,651,258,381	491,276,879,165

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		404,909,811,724	409,989,712,329
I. Nợ ngắn hạn	310		404,909,811,724	409,989,712,329
1. Người mua trả tiền trước	313		116,625,000	116,625,000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	164,018,502	207,685,311
3. Phải trả người lao động	315		4,470,641	4,470,641
4. Chi phí phải trả	316	V.13	296,842,715	123,522,721
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		380,169,200,000	380,005,635,000
6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.14	2,412,374,939	2,170,651,999
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234,118	234,118
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	21,746,045,809	27,360,887,539
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90,741,446,657	81,287,166,836
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	90,741,446,657	81,287,166,836
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240,000,000,000	240,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50,000,000,000	50,000,000,000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,047,890,198	1,047,890,198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(200,306,443,541)	(209,760,723,362)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		495,651,258,381	491,276,879,165

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006	530,920,990,000	694,300,370,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	457,611,210,000	489,279,120,000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	8,110,890,000	9,862,890,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	448,069,590,000	478,230,500,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1,430,730,000	1,185,730,000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	73,309,780,000	205,021,250,000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		20,000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	73,309,780,000	205,021,230,000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2015



NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng



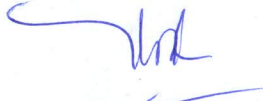

DIỆP TRÍ MINH
Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	2,338,151,332	2,450,649,983	2,338,151,332	2,450,649,983
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	363,027,965	622,288,137	363,027,965	622,288,137
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	741,308,034	289,435,445	741,308,034	289,435,445
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	-	21,818,182	-	21,818,182
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	85,210,613	100,431,771	85,210,613	100,431,771
Doanh thu khác	01.9	1,148,604,720	1,416,676,448	1,148,604,720	1,416,676,448
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	216,000	-	216,000
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	2,338,151,332	2,450,433,983	2,338,151,332	2,450,433,983
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	239,201,961	243,047,386	239,201,961	243,047,386
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20	2,098,949,371	2,207,386,597	2,098,949,371	2,207,386,597
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(7,355,030,450)	2,066,505,085	(7,355,030,450)	2,066,505,085
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	9,453,979,821	140,881,512	9,453,979,821	140,881,512
8. Thu nhập khác	31	300,000	415,000	300,000	415,000
9. Chi phí khác	32	-	-	-	-
10. Lợi nhuận khác	40	300,000	415,000	300,000	415,000
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9,454,279,821	141,296,512	9,454,279,821	141,296,512
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	9,454,279,821	141,296,512	9,454,279,821	141,296,512
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	393.93	5.89	393.93	5.89

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2015



NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
 Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Kế toán trưởng





DIỆP TRÍ MINH
 Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

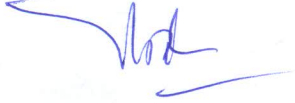
Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý I năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9,454,279,821	141,296,512
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	376,600,216	336,926,754
- Các khoản dự phòng	03	(13,077,611,524)	(5,436,107,539)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,874,851,079)	(1,677,940,557)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	(5,121,582,566)	(6,635,824,830)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17,628,501,647	(9,586,265,450)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4,338,592,571)	9,009,761,859
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(331,527,740)	(457,870,851)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	272,775,936,887	509,636,208,493
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(276,949,646,453)	(499,715,381,120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3,663,089,204	2,250,628,101
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(9,107,281,600)	(7,129,442,000)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	15,604,765,451	12,415,063,110
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	139,854,582	1,116,324,143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6,637,338,433	6,401,945,253
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10,300,427,637	8,652,573,354
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	446,740,943,430	427,994,872,269
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	457,041,371,067	436,647,445,623

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2015


 NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
 Người lập


 NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Kế Toán Trưởng




 DIỆP TRÍ MINH
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý I Năm 2015

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240,000,000,000	240,000,000,000	-	-	-	-	240,000,000,000	240,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	50,000,000,000	50,000,000,000	-	-	-	-	50,000,000,000	50,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	1,047,890,198	1,047,890,198	-	-	-	-	1,047,890,198	1,047,890,198
Lợi nhuận chưa phân phối	(210,406,194,285)	(209,760,723,362)	141,296,512	-	9,454,279,821	-	(210,264,897,773)	(200,306,443,541)
Tổng cộng	80,641,695,913	81,287,166,836	141,296,512	-	9,454,279,821	-	80,782,992,425	90,741,446,657

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2015

NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng



DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 thuộc năm tài chính thứ 9 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu tự doanh có thời hạn dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan về mua chứng khoán như chi phí môi giới và các chi phí giao dịch mua chứng khoán tự doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong vòng 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
TSCĐ khác	3

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm (phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,...) vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu OTC có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ từ 13 tháng đến 60 tháng.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được.

Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 của Công ty còn lỗ lũy kế nên công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Công ty ghi nhận doanh thu trên nguyên tắc sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là chênh lệch lãi từ các hoạt động tự doanh chứng khoán của Công ty, thu lợi từ cổ tức cổ phiếu và lãi trái phiếu;
- Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;
- Doanh thu khác là lãi tiền gửi, thu phí từ dịch vụ khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

14. Nguồn vốn, các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4,755,721	5,476,309
Tiền mặt tại Quỹ	4,755,721	5,476,309
Tiền gửi ngân hàng (*)	457,036,615,346	446,735,467,121
Tiền gửi của Công ty	443,201,184,346	432,436,680,617
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	13,835,431,000	14,298,786,504
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	457,041,371,067	446,740,943,430

Tiền gửi của Công ty tại các Ngân Hàng bao gồm:

- Tiền gửi tại Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền:	380,171,578,811 VND
(Trong đó gồm: 380 tỷ đang tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán);	
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền:	28,573,061,405 VND
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền:	42,022,597,701 VND
- Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển số tiền:	1,993,413,167 VND
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền:	228,452,107 VND
- Tiền gửi tại Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Đông Sài Gòn	4,000,000,000 VND
- Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng khác số tiền:	47,512,155 VND

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của công ty Chứng khoán	945,460	22,470,261,000
Cổ phiếu	945,460	22,470,261,000
Của nhà đầu tư	17,073,422	205,305,003,600
Cổ phiếu	17,073,422	205,305,003,600
Cộng	18,018,882	227,775,264,600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
I. Chứng khoán thương mại	244,105	355,699	5,001,810,302	7,641,972,753	(407,783,040)	(1,184,086,164)	4,594,027,262	6,457,886,589
Cổ phiếu	244,105	355,699	5,001,810,302	7,641,972,753	(407,783,040)	(1,184,086,164)	4,594,027,262	6,457,886,589
II. Chứng khoán đầu tư	3,080,828	3,144,447	64,704,850,456	68,562,171,856	(43,475,116,255)	(45,776,424,655)	21,229,734,201	22,785,747,201
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3 080 828	3,144,447	64,704,850,456	68,562,171,856	(43,475,116,255)	(45,776,424,655)	21,229,734,201	22,785,747,201
Tổng cộng	3,324,933	3,500,146	69,706,660,758	76,204,144,609	(43,882,899,295)	(46,960,510,819)	25,823,761,463	29,243,633,790

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

CHỈ TIÊU	Số dư 01/01/2015			Số phát sinh trong kỳ		Số dư 31/03/2015			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1 Phải thu khách hàng	11,936,553,528	11,936,553,528	-	130,533,391	130,533,391	11,936,553,528	11,936,553,528	-	11,936,553,528
2 Trả trước cho người bán	32,890,000	-	-	92,332,564	77,222,564	48,000,000	-	-	-
3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	17,894,767	-	-	460,803,493	467,454,145	11,244,115	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	17,894,767	-	-	460,803,493	467,454,145	11,244,115	-	-	-
4 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	44,881,816	44,881,816	-	-	-	-
5 Phải thu khác	78,818,595,807	70,411,441,528	-	51,773,944,796	64,421,939,571	66,170,601,032	60,411,441,528	-	60,411,441,528
<i>Phải thu ứng trước quyền nhận tiền bán chứng khoán</i>	3,311,498,003	-	-	42,784,875,090	44,638,369,112	1,458,003,981	-	-	-
<i>Phải thu repo cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết</i>	66,099,642,560	66,099,642,559	-	-	10,000,000,000	56,099,642,560	56,099,642,560	-	56,099,642,560
<i>Phải thu Dịch vụ quản lý tài sản theo ủy quyền</i>	4,578,047,308	-	-	7,963,920,163	9,220,904,056	3,321,063,415	-	-	-
<i>Phải thu các hoạt động khác</i>	4,829,407,936	4,311,798,969	-	1,025,149,543	562,666,403	5,291,891,076	4,311,798,968	-	4,311,798,968
Tổng Cộng	90,805,934,102	82,347,995,056	-	52,502,496,060	65,142,031,487	78,166,398,675	72,347,995,056	-	72,347,995,056

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Cuối kỳ
Chi phí Nhân viên	20,250,000	4,669,166	9,016,917	15,902,249
Bảo hiểm tài sản	11,007,886		4,666,977	6,340,909
Chi phí bằng tiền khác	39,000,000	50,254,067	18,944,664	70,309,403
CP Đường truyền, internet	84,720,000	502,970,654	179,351,028	408,339,626
Chi phí công cụ, dụng cụ	37,633,334		12,897,501	24,735,833
Chi phí thuê nhà	6,000,000	285,000,000	285,000,000	6,000,000
Cộng	198,611,220	842,893,887	509,877,087	531,628,020

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản còn tạm ứng tại thời điểm cuối kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	66,260,000	6,206,327,743	940,454,545	-	7,213,042,288
2. Tăng trong kỳ					-
3. Giảm trong kỳ					-
4. Số cuối kỳ	66,260,000	6,206,327,743	940,454,545	-	7,213,042,288
II. Giá Trị Hao Mòn					
1. Số đầu năm	66,260,000	5,941,076,354	39,185,606	-	6,046,521,960
2. Tăng trong kỳ	-	25,995,834	39,185,607	-	65,181,441
3. Giảm trong kỳ	-			-	-
4. Số cuối kỳ	66,260,000	5,967,072,188	78,371,213	-	6,111,703,401
III. Giá Trị còn lại					
1. Số đầu năm	-	265,251,389	901,268,939	-	1,166,520,328
2. Số cuối kỳ	-	239,255,555	862,083,332	-	1,101,338,887

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

1. Số đầu năm	66,260,000	5,894,377,743	-	-	5,960,637,743
2. Số cuối kỳ	66,260,000	5,894,377,743	-	-	5,960,637,743

8. Tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên Giá		
1. Số đầu năm	7,488,985,064	7,488,985,064
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	7,488,985,064	7,488,985,064
II. Giá Trị Hao Mòn		
1. Số đầu năm	5,700,380,899	5,700,380,899
2. Tăng trong kỳ	311,418,775	311,418,775
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	6,011,799,674	6,011,799,674
III. Giá Trị còn lại		
1. Số đầu năm	1,788,604,165	1,788,604,165
2. Số cuối kỳ	1,477,185,390	1,477,185,390

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

1. Số đầu năm	1,189,469,550	1,189,469,550
2. Số cuối kỳ	1,296,179,550	1,296,179,550

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	18,423,611		1,579,167	16,844,444
Chi phí đường truyền	21,760,481	22,891,090	22,800,983	21,850,588
Cộng	40,184,092	22,891,090	24,380,150	38,695,032

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	3,108,826,159	2,915,139,140
Tiền lãi phân bổ trong năm/kỳ	338,698,954	338,698,954
Số dư cuối năm/kỳ	<u>3,567,525,113</u>	<u>3,373,838,094</u>

11. Tài sản dài hạn khác

Tiền công ty ký quỹ để thực hiện hợp đồng thuê mặt văn phòng kinh doanh

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
I.	Thuế	207,685,311	167,018,502	210,685,311	164,018,502
1	Thuế GTGT bán hàng nội địa	1,818,182	654,545	1,818,182	654,545
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
3	Các loại thuế khác	205,867,129	166,363,957	208,867,129	163,363,957
	- Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
	- Thuế TNCN	205,867,129	163,363,957	205,867,129	163,363,957
	Tổng cộng	<u>207,685,311</u>	<u>167,018,502</u>	<u>210,685,311</u>	<u>164,018,502</u>

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí kiểm toán	13,636,362	27,272,721
- Chi phí Giao dịch và lưu ký chứng khoán	56,056,581	70,000,000
- Chi phí khác	227,149,772	26,250,000
Cộng	<u>296,842,715</u>	<u>123,522,721</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	169,200,000	5,635,000
Phải trả NH TMCP Tiên Phong	<u>380,000,000,000</u>	<u>380,000,000,000</u>
Cộng	<u>380,169,200,000</u>	<u>380,005,635,000</u>

(* Phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán 380 tỷ, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công Thương và đang tạm ngừng giao dịch.

15. Phải trả cổ tức gốc và lãi cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2,392,962,439	2,151,239,499
Phải trả cổ tức cho cổ đông	<u>19,412,500</u>	<u>19,412,500</u>
Cộng	<u>2,412,374,939</u>	<u>2,170,651,999</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	-	13,297,500
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	(1,517,400)	8,471,800
<i>Bảo hiểm y tế</i>	(649,972)	633,600
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	(250,050)	316,600
<i>Phải trả khác</i>	4,368,533,293	5,784,528,535
Phải trả khác cho các cá nhân	3,330,000,000	4,750,000,000
Phải trả lãi nhà đầu tư	1,255,293	6,973,535
Phải trả khác	1,037,278,000	1,027,555,000
<i>Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn của Nhà đầu tư</i>	12,123,466,938	14,298,786,504
<i>Phong tỏa ký quỹ Mua chứng khoán của Nhà đầu tư</i>	5,256,463,000	7,254,853,000
Cộng	<u>21,746,045,809</u>	<u>27,360,887,539</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

17. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240,000,000,000			240,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	50,000,000,000			50,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	1,047,890,198			1,047,890,198
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(209,760,723,362)	9,454,279,821		(200,306,443,541)
Cộng	81,287,166,836	9,454,279,821	-	90,741,446,657

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	QUÝ I		LŨY KẾ ĐẦU NĂM	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	363,027,965	622,288,137	363,027,965	622,288,137
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	741,308,034	289,435,445	741,308,034	289,435,445
Doanh thu lưu ký chứng khoán	85,210,613	100,431,771	85,210,613	100,431,771
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	-	21,818,182	-	21,818,182
Doanh thu khác	1,148,604,720	1,416,676,448	1,148,604,720	1,416,676,448
Cộng	2,338,151,332	2,450,649,983	2,338,151,332	2,450,649,983

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	QUÝ I		LŨY KẾ ĐẦU NĂM	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	505,148,331	544,958,393	505,148,331	544,958,393
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2,719,150,885	4,836,997,061	2,719,150,885	4,836,997,061
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán		21,818,182		21,818,182
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	92,514,269	105,381,289	92,514,269	105,381,289
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	(3,077,611,524)	(5,266,107,539)	(3,077,611,524)	(5,266,107,539)
Cộng	239,201,961	243,047,386	239,201,961	243,047,386

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ I		LŨY KẾ ĐẦU NĂM	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	996,046,621	760,660,946	996,046,621	760,660,946
Chi phí vật liệu quản lý	10,305,683	3,352,092	10,305,683	3,352,092
Chi phí đồ dùng văn phòng	27,608,380	36,402,113	27,608,380	36,402,113
Chi phí khấu hao TSCĐ	376,600,216	336,926,754	376,600,216	336,926,754
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000
Chi phí dự phòng phải thu	(10,000,000,000)	(170,000,000)	(10,000,000,000)	(170,000,000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,004,010,460	871,915,372	1,004,010,460	871,915,372
Chi phí bằng tiền khác	227,398,190	224,247,808	227,398,190	224,247,808
Cộng	(7,355,030,450)	2,066,505,085	(7,355,030,450)	2,066,505,085

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đvt	QUÝ I		LÚY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn					
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>					
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	94.45	90.80	94.45	90.80
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	5.55	9.20	5.55	9.20
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>					
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	81.69	85.48	81.69	85.48
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	18.31	14.52	18.31	14.52
Khả năng thanh toán					
Khả năng thanh toán hiện hành (TS/N)	Lần	1.22	1.17	1.22	1.17
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	1.16	1.06	1.16	1.06
Khả năng thanh toán nhanh ((T+DTNH)/NNH)	Lần	1.14	0.92	1.14	0.92
Tỷ suất sinh lời					
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>					
Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	%	404.34	5.75	404.34	5.75
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	404.35	5.77	404.35	5.77
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.91	0.03	1.91	0.03
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.91	0.03	1.91	0.03
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</i>					
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	10.42	0.17	10.42	0.17

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

2. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2015



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế Toán Trưởng



DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Phụ lục số 1

STT	Mã chứng khoán	Số Lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Giá trị dự phòng
1	BBC	6	80,900	336,000	-
2	BTT	8	195,242	328,000	-
3	CII	36,000	667,028,571	666,000,000	-
4	CSM	1	34,142	40,300	-
5	CTG	7	153,000	121,100	(56,400)
6	DIC	3	95,550	24,900	(69,150)
7	DPM	30,000	922,000,000	876,000,000	-
8	EIB	45	723,713	589,500	(147,713)
9	FPT	7	341,624	338,800	-
10	HAG	117,003	2,709,626,466	2,398,561,500	(101,870,427)
11	HAI	8	75,000	96,800	-
12	KDC	10	279,516	450,000	-
13	KHA	9	236,520	291,600	(198,720)
14	KMR	2	12,600	11,800	-
15	MAC	28	107,500	389,200	-
16	NAV	3	193,346	21,000	(172,347)
17	NHC	10	-	246,000	-
18	PET	7	78,400	137,200	-
19	PGC	1	24,600	13,500	(11,000)
20	PPI	3	69,300	31,500	(30,900)
21	PVT	8	46,029	101,600	-
22	QNC	124	1,713,500	1,016,800	(684,300)
23	SAM	6	99,098	80,400	(21,098)
24	SD7	89	1,400,267	925,600	(385,667)
25	SIC	27	305,100	326,700	(124,200)
26	STB	9	87,068	168,300	-
27	STC	30	420,000	555,000	-
28	SVC	14	226,000	271,600	(2,000)
29	TCM	1	13,469	32,000	-
30	TDH	4	96,647	72,400	(19,047)
31	VCB	5	108,163	175,500	-
32	VID	1	-	4,600	-
33	VSP	630	7,018,000	1,071,000	(5,884,000)
34	CAV	45,000	1,332,585,000	1,755,000,000	-
35	KHB	300,000	6,000,000,000	1,020,000,000	(4,740,000,000)
36	VCA	269,400	8,136,977,556	1,023,720,000	(7,221,017,555)
37	OTC-DECOFI	12,567	1,735,502,700	125,670,000	(1,609,832,700)
38	OTC-OCB	2,439,961	44,029,785,200	17,567,719,200	(26,462,066,000)
39	OTC-VASS	13,900	3,470,000,000	27,800,000	(3,442,200,000)
40	OTC-CMID	10,000	259,165,167	80,000,000	(179,165,167)
41	OTC-DMTP	5,000	35,838,900	40,000,000	-
42	OTC-NHUASG	39,996	358,078,004	239,976,000	(118,102,004)
43	OTC-NHUAVINA	5,000	35,838,900	35,000,000	(838,900)
Cộng		3,324,933	69,706,660,758	25,863,715,400	(43,882,899,295)

Số: 66/2015/ORS-CV

TP.HCM, ngày 16 tháng 04 năm 2015

Kính gửi :

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Căn cứ vào kết quả kinh doanh Quý I năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo, cụ thể:

Quý I năm 2015 lợi nhuận trước thuế đạt 9,4 tỷ đồng so với kết quả kinh doanh quý I năm 2014 là lãi 602 triệu đồng.

Nguyên nhân:

- Doanh thu môi giới và doanh thu lãi tiền gửi được duy trì ổn định.
- Doanh thu góp vốn, đầu tư chứng khoán tăng, tự doanh có hiệu quả.
- Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với Quý I năm 2014, do Công ty đã thực hiện tiết kiệm chi phí hợp lý và hiệu quả. Bên cạnh đó trong Quý I/2015 công ty đã hoàn nhập chi phí dự phòng do thu hồi được một phần nợ phải thu khó đòi của các năm trước.

Trên đây là những yếu tố làm cho kết quả hoạt động kinh doanh trong quý I năm 2015 tốt hơn so với quý I năm 2014. Chúng tôi kỳ vọng trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ tiếp tục tái cấu trúc theo hướng hợp nhất/sáp nhập, tăng năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HC, KT.



Nguyễn Trái Minh Phương